

Số: 25/QĐ-PTDTBT-THMA

Pa Ham, ngày 09 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ, năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC MƯỜNG ANH

Căn cứ vào thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành điều lệ trường Tiểu học năm 2020; quy định về chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán;

Căn cứ Nghị Quyết số 55/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Quy định về khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ văn bản số 2057/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo;

Căn cứ công văn số 1214/SGDĐT-KHTC ngày 29/4/2025 của Sở giáo dục và đào tạo về việc rà soát lập nhu cầu bổ sung kinh phí, đề xuất nhu cầu hỗ trợ gạo thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 337/HD-PGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà V/v hướng dẫn xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú theo NĐ 66/2025/NĐ-CP năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của các ông (bà) phó Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hỗ trợ chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hỗ trợ chính sách có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức xét duyệt theo đúng quy định.

Thời gian làm việc ½ ngày: Chiều 12/05/2025.

Địa điểm: Tại trường PTDTBT tiểu học Mường Anh.

Điều 3. Các ông (bà) phó hiệu trưởng, bộ phận kế toán, các tổ khối chuyên môn, văn phòng và các ông (bà) có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nga

DANH SÁCH

Hội đồng xét học sinh bán trú, học sinh được hỗ trợ chính sách theo

Nghị định 66/2025/NĐ-CP, năm học 2024-2025

(Kèm theo QĐ số: 25/QĐ- PTDTBT-THMA, ngày 09/03/2025 của trường PTDTBTTH Mường Anh)

I. Chủ tịch hội đồng:

Bà: Nguyễn Thị Nga – Phó Hiệu trưởng.

II. Phó chủ tịch hội đồng:

Bà: Cao Thị Mẽ – Phó hiệu trưởng.

III. Thư ký:

Bà: Lò Thị Pỏ – Giáo viên – Thư ký hội đồng:

IV. Các ủy viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ công tác	Ghi chú
1	Lò Văn Nhất	Bí thư đoàn trường	
2	Tòng Văn Sương	Tổng phụ trách đội	
3	Bạc Cẩm Nghĩa	Trưởng ban thanh tra nhân dân	
4	Vi Thị Huyền	Giáo viên chủ nhiệm	
5	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên chủ nhiệm	
6	Nguyễn Thị Minh Hương	Giáo viên chủ nhiệm	
7	Lường Văn Phấn	Giáo viên chủ nhiệm	
8	Vàng A Lử	Giáo viên chủ nhiệm	
9	Giàng A Hờ	Giáo viên chủ nhiệm	
10	Quàng Văn Quý	Giáo viên chủ nhiệm	
11	Giàng A Nhia	Giáo viên chủ nhiệm	
12	Lò Văn Kiêm	Giáo viên chủ nhiệm	
13	Giàng A Dừng	Kế toán	

(Danh sách gồm có 16 người)

Số: 11/BB-HDXD

Pa Ham, ngày 12 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN

Xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP năm học 2024-2025

1. Thời gian, địa điểm, thành phần

- Thời gian: 14h00 phút, ngày 12 tháng 05 năm 2025.
- Địa điểm: Hội trường Trường PTDTBT tiểu học Mường Anh.
- Thành phần: Theo Quyết định số 25/QĐ-PTDTBT-THMA, ngày 09/5/2025 của trường PTDTBT tiểu học Mường Anh về việc thành lập Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hỗ trợ chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2024-2025.

2. Nội dung

2.1. Chủ tịch hội đồng xét duyệt: Thông qua Quyết định số 25/QĐ-PTDTBT-THMA ngày 09/5/2025 của trường PTDTBT tiểu học Mường Anh về việc thành lập các Hội đồng xét duyệt học sinh bán trú, học sinh được hỗ trợ chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2024-2025.

- Diễm danh các thành viên trong Hội đồng xét duyệt:
Tổng số: 16; Có mặt: 16; Vắng mặt: 0
- Phân công trách nhiệm các thành viên trong Ban lãnh đạo hội đồng:
 - + Chủ tịch: Phụ trách chung
 - + Phó chủ tịch: Chuẩn bị cơ sở vật chất, hồ sơ xét duyệt
 - + Thư ký: Ghi chép, tổng hợp số liệu
 - + Ủy viên thường trực: Cùng Phó chủ tịch chuẩn bị cơ sở vật chất, hồ sơ xét duyệt.

2.2. Báo cáo về việc chuẩn bị hồ sơ

Tổng số học sinh tham gia dự xét duyệt học sinh bán trú: 172 học sinh. Số hồ sơ hiện có: 172 bộ

Tổng số học sinh tham gia dự xét duyệt học sinh bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở): 0; Số hồ sơ hiện có: 0

Tổng số học sinh tham gia dự xét duyệt được hỗ trợ gạo: 172. Số hồ sơ hiện có: 172.

+ Học tập quy định xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP (do ban lãnh đạo điều hành).

2.3. Phân công thành viên kiểm tra hồ sơ đề nghị xét năm học 2024-2025.

***) Tổ số 1: Kiểm tra hồ sơ của các học sinh từ số 01 đến số 57**

- Ông (bà): Lương Văn Phần
- Ông (bà): Nguyễn Thị Minh Hương
- Ông (bà): Vàng A Lữ
- Ông (bà): Vi Thị Huyền
- Ông (bà): Nguyễn Thị Thu

***) Tổ số 2: Kiểm tra hồ sơ của các học sinh từ số 58 đến số 114**

- Ông (bà): Giàng A Hờ
- Ông (bà): Quàng Văn Quý
- Ông (bà): Gàng A Nhia

***) Tổ số 3: Kiểm tra hồ sơ của các học sinh từ số 115 đến số 172**

- Ông (bà): Lò Văn Nhất
- Ông (bà): Lò Văn Kiêm
- Ông (bà): Lò Thị Pô

3. Kết quả xét duyệt

- **Công tác chuẩn bị cho hội đồng làm việc**

+ Ưu điểm: Cơ sở vật chất đảm bảo, có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

+ Tồn tại: Không

- **Nhận xét về hồ sơ:** Đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý theo quy định.

- **Nhận xét về công tác tổ chức, xét duyệt của hội đồng:** Hội đồng xét duyệt làm việc nghiêm túc, khẩn trương, đúng chức trách nhiệm vụ được phân công.

- **Những điều cần tiếp tục giải quyết tiếp theo:** Không

- **Kết quả xét duyệt**

+ Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú: 172/172 đạt 100%, số học sinh đề nghị UBND huyện phê duyệt 172 (có danh sách kèm theo).

+ Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú được hỗ trợ tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở): 0/0 đạt 0%, số học sinh đề nghị UBND huyện phê duyệt: 0.

+ Tổng số học sinh được xét duyệt hỗ trợ gạo: 172/172 đạt 100%, số học sinh đề nghị UBND huyện phê duyệt 172 (có danh sách kèm theo)

- **Hồ sơ xét duyệt học sinh bán trú theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDDT, học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ, năm học 2024-2025 gồm:**

- (1). Đơn đề nghị hỗ trợ của 172 học sinh;
- (2). Bản sao Căn cước công dân của học sinh;
- (3). Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt;
- (4). Biên bản họp Hội đồng xét duyệt;
- (5). Danh sách học sinh bán trú (theo Mẫu số 06);

(6). Văn bản đề nghị phê duyệt.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Phòng Giáo dục và Đào tạo lưu trữ 01 bản, nhà trường lưu trữ 01 bản./.

THƯ KÝ



Lò Thị Pô

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Kí tên và đóng dấu)



Họ tên, chữ ký của các thành viên



Cao Thị Mễ



Lò Văn Nhất



Giảng A Hờ



Giảng A Nhia



Vàng A Lủ



Bạc Cẩm Nghĩa



Vi Thị Huyền



Quàng Văn Quý



Lường Văn Phần



Tòng Văn Sương



Lò Văn Kiên



Nguyễn Thị Thu



Giảng A Dừng



Nguyễn Thị Minh Hương

UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH MƯỜNG ANH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ

Trường: PTDTBT tiểu học Mường Anh

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm (kg)	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm								
1	Vũ Xuân Tiên	10	04	2018	936000	0	15	5	4680000	0	75	
2	Giảng Thị Phương Yên	12	10	2017	936000	0	15	5	4680000	0	75	
3	Vàng A Dế	04	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
4	Sùng Thị Dung	23	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
5	Hờ Thị Giảng	02	09	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
6	Vũ A Giảng	07	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
7	Thảo Thị Hương	27	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
8	Thảo Ha Kai	06	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
9	Mua Thị Kía	27	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
10	Giảng A Kinh	02	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
11	Vũ Thị La	26	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
12	Giảng Thị Lía	19	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
13	Sùng A Mùa	03	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
14	Giảng Thị Pà	19	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
15	Thảo A Páo	09	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
16	Thảo A Phành	01	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
17	Vũ A Phi	29	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
18	Lầu A Phong	24	06	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
19	Thảo A Phong	08	05	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
20	Sùng Thị Sinh	04	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
21	Vũ Thị Sinh	02	05	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
22	Hờ Duy Thành	13	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
23	Giảng A Thí	13	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
24	Lầu A Tú	04	07	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
25	Thảo Minh Tuấn	19	05	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
26	Vũ A Vàng	21	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	

27	Thảo Thị Xinh	10	01	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
28	Thảo Thị Chi	07	08	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
29	Giảng Thị Phương	13	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
30	Thảo Minh Quân	16	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
31	Vàng Thị Giảng	28	07	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
32	Sùng Quang Việt	09	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
33	Thảo Na Tha Li	29	07	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
34	Hồ A Na	07	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
35	Vừ A Công	05	09	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
36	Sùng Anh Đông	22	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
37	Thảo A Khen	30	08	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
38	Vừ A Kỳ	13	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
39	Vừ Thị Mai Song	24	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
40	Sùng Đông Kinh	22	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
41	Thảo Thị Hồ Quyên	23	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
42	Thảo A Thành	06	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
43	Thảo Thị Mai	05	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
44	Giảng A Khua	03	03	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
45	Thảo Thị Dung	31	07	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
46	Hồ A Mua	21	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
47	Giảng A Hùng	01	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
48	Giảng Thị Cỏ	15	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
49	Sùng Gia Nghĩa	08	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
50	Giảng Minh Sơ	08	06	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
51	Vừ Thị Chi	25	05	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
52	Hồ A Quả	08	05	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
53	Vàng Anh	31	01	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
54	Giảng A Anh	12	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
55	Vàng Thái Bình	14	01	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
56	Giảng A Cầu	27	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
57	Vừ Thị Chua	13	11	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
58	Thảo Thị Cỏ	04	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
59	Giảng A Hiếu	07	06	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
60	Thảo Thị Hoa	25	08	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	
61	Vàng Thị La	14	06	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75	

62	Sùng A Lâm	29	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
63	Sùng A Ly	09	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
64	Vừ Thị Ly	27	01	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
65	Hờ A Ly	04	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
66	Vừ A Minh	06	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
67	Hờ A Minh	03	01	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
68	Lầu A Mùa	31	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
69	Lầu Thị Nge	05	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
70	Giàng Vinh Ngọc	29	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
71	Vừ Thị Nu	20	07	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
72	Giàng Thị Phương	10	07	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
73	Sùng Thị Phương	03	04	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
74	Giàng A Sơn	12	02	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
75	Thào Đức Thắng	31	10	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
76	Giàng Mạnh Toán	18	12	2016	936000	0	15	5	4680000	0	75
77	Lầu Thị Bầu	26	03	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
78	Lầu Huy Chương	05	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
79	Sùng Thị Gầu	21	06	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
80	Giàng A Mong	05	03	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
81	Vừ Thị Phia	22	03	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
82	Sùng Thị Sinh	05	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
83	Thào A Sơn	02	10	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
84	Sùng A Chia	06	07	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
85	Hờ A Mùa	15	03	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
86	Sùng Thánh Tôn	03	10	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
87	Sùng Thị E	06	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
88	Giàng Thị Ganh	08	01	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
89	Giàng Thị Ba	28	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
90	Vừ Thị Phua	15	10	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
91	Giàng A Linh	12	03	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
92	Vừ A Minh	28	12	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
93	Vàng Thị Kim Chua	23	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
94	Vừ A Còi	07	09	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
95	Vàng Mai Hoa	15	05	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75
96	Vàng Thị Ly	28	12	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75

97	Vàng A Ngọc	03	08	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
98	Lâu Thị Mai Thu	07	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
99	Hồ Thị Thuý Trang	23	06	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
100	Vàng A Trung	13	06	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
101	Lò Thị Diệu Linh	07	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
102	Giàng A Quang	16	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
103	Hồ Thị Tùng	29	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
104	Lý Thị Hoa	02	07	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
105	Vừ A Sơn	29	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
106	Sùng Thị Kinh	02	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
107	Vừ Thị Pà	21	09	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
108	Giàng Anh Lý	20	06	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
109	Giàng A Lênh	01	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
110	Vừ A Sĩ Mông	09	07	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
111	Giàng A Dung	19	09	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
112	Thào A Hồng	16	11	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
113	Lâu Thị Ia	30	07	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
114	Sùng Thị Nhi	12	08	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
115	Sùng A Sinh	10	09	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
116	Vàng Thị Tùng	26	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
117	Lý Thị Vi	20	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
118	Vàng A Xàng	11	12	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
119	Lý Thị Xuân	12	10	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
120	Giàng Thị Dợ	14	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
121	Giàng Thị Súa	08	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
122	Lý A Sinh	29	10	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
123	Hồ Thị Hú	15	06	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
124	Vừ Thị Mang	28	02	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
125	Giàng Lông Quán	11	04	2015	936000	0	15	5	4680000	0	75	
126	Vừ Thị Hằng	21	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
127	Thào Thị Bầu	22	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
128	Giàng A Chương	14	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
129	Giàng Thị Công	24	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
130	Thào Thị Gúa	29	06	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
131	Giàng Thị Hua	24	04	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	

132	Vũ A Huy	19	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
133	Sùng Thị Kìa	22	05	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
134	Hồ Thị Hoài Nhi	09	07	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
135	Sùng T Ngọc Quang	26	02	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
136	Sùng A Quân	30	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
137	Thào Thị Sinh	20	07	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
138	Giàng A Sơn	09	05	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
139	Vũ A Thành	13	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
140	Thào A Thanh	16	09	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
141	Lầu A Thành	03	12	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
142	Vũ Thị Thào	22	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
143	Thào Thị Vĩ	07	03	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
144	Thào Tuấn Anh	11	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
145	Hồ Thị Chi	27	02	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
146	Giàng A Công	09	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
147	Hồ Thị Ngọc Duyên	25	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
148	Vũ Thị Gàu	28	02	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
149	Vũ Thị Mai Hoa	14	03	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
150	Vũ Thị Phua	13	07	2013	936000	0	15	5	4680000	0	75	
151	Ly A Quân	06	03	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
152	Vũ A Sĩa	27	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
153	Giàng A Và	23	07	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
154	Giàng A Công	12	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
155	Sùng Thị Đê	24	09	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
156	Giàng Thị Ia	03	09	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
157	Hồ Thị Sùng	12	07	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
158	Sùng A Vàng	21	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
159	Sùng Thị Xì	02	12	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
160	Lầu Thị Y	16	05	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
161	Sùng A Cảnh	30	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
162	Thào Thị Dương	14	03	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
163	Ly Trường Giang	30	05	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
164	Giàng Thị Hoa	26	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
165	Hồ A Minh	12	07	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
166	Giàng Thị Nhánh	06	04	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	

167	Hồ Thị Phương	11	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
168	Giăng Thị Súa	19	05	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
169	Vừ A Thái	29	01	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
170	Thào A Trẻ	20	11	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
171	Vàng Thị Thu Xĩa	04	10	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
172	Giăng A Xuân	10	06	2014	936000	0	15	5	4680000	0	75	
Tổng cộng					160.992.000	0	15	5	804.960.000	0	12.900	

Pa Ham, ngày 12 tháng 05 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)



 Nguyễn Văn Nga

**UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG PTDTBT TH MƯỜNG ANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/VBĐN-PTDTBT-THMA
V/v Đề nghị phê duyệt học sinh hưởng chính
sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-
CP năm học 2024 - 2025

Pa Ham, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: - UBND huyện Mường Chà;
- Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà.

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Trường PTDTBT tiểu học Mường Anh kính trình Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà xem xét thẩm định hồ sơ và gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt 172/172 em học sinh hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 năm học 2024 – 2025;

Hồ sơ trình gồm:

- Danh sách học sinh hưởng chính sách
 - Dự toán kinh phí hỗ trợ ăn và hỗ trợ gạo:
 - + Hỗ trợ tiền ăn: 804.960.000 (Tám trăm linh tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).
 - + Hỗ trợ gạo: 12.900 kg (mười hai nghìn, chín trăm ki-lô-gam).
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Nga